

R

**ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC
PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN
2001-2010**

ĐỀ TÀI NHÁNH

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP DẠY
NGHỀ NHẪM KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN
LAO ĐỘNG KỸ THUẬT**

Chủ nhiệm đề tài:

PGS.TS. Đỗ Minh Cương

Các thành viên:

TS. Mạc Văn Tiến

TS. Nguyễn Văn Thành

Th.S. Phạm Xuân Thu

Hà nội 5-2003

1
5645-4

03/01/06

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Hoàn thiện hệ thống chính sách và các giải pháp về dạy nghề, nhằm khuyến khích phát triển lao động kỹ thuật.	2
Mở đầu	-
Phần I: Định hướng phát triển lao động kỹ thuật trước những yêu cầu của nền kinh tế trong giai đoạn 2001-2010	3
I-Bối cảnh kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến phát triển lao động kỹ thuật ở Việt nam.	3
II-Mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển dạy nghề đáp ứng nhu cầu về lao động kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân	15
Phần II. Các quan điểm hoàn thiện chính sách phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010	21
I. Quan điểm chung về chính sách giáo dục và đào tạo ở Việt Nam	21
II. Quan điểm về hoàn thiện chính sách phát triển đào tạo nghề	22
Phần III. Cơ sở xây dựng các chính sách cơ bản nhằm thúc đẩy phát triển lao động kỹ thuật	25
I. Những căn cứ hoạch định chính sách nhằm thúc đẩy phát triển lao động	25
II. Cơ sở khoa học để hoạch định chính sách phát triển lao động kỹ thuật	32
III. Nguyên tắc xây dựng chính sách phát triển lao động kỹ thuật	36
IV Định hướng chính sách phát triển lao động kỹ thuật	37
Phần IV. Các giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách hiện hành nhằm thúc đẩy phát triển lao động kỹ thuật	43
I. Các giải pháp chính sách về hoàn thiện cơ cấu hệ thống và quản lý đào tạo lao động kỹ thuật.	43
II. Hoàn thiện chính sách đầu tư cho phát triển lao động kỹ thuật.	
III Hoàn thiện chính sách khuyến khích đãi ngộ	60
IV. Các điều kiện để thực hiện chính sách	62
V. Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo nghề lao động kỹ thuật	64

HOÀN THIÊN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP DAY NGHỀ NHẪM KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG KỸ THUẬT

MỞ ĐẦU:

A-Mục tiêu nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích thực trạng các chính sách về dạy nghề, dự báo về nhu cầu về LĐKT và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước, chuyên đề nêu lên định hướng phát triển chính sách về dạy nghề và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển lao động kỹ thuật ở nước ta trong giai đoạn 2001-2010

B-Đối tượng nghiên cứu:

- Nghiên cứu các chính sách về dạy nghề và các chính sách có liên quan đến đào tạo và phát triển lao động kỹ thuật.
- Nghiên cứu chiến lược đào tạo nghề và đề xuất các chính sách phát triển lao động kỹ thuật.

C-Phạm vi nghiên cứu:

Trong phạm vi nghiên cứu chung của đề tài.

D-Phương pháp nghiên cứu:

Lựa chọn các phương pháp sau:

- Phân tích hệ thống
- Phương pháp chuyên gia...

E-Nội dung nghiên cứu:

PHẦN I:

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ TRƯỚC NHỮNG YÊU CẦU CỦA NỀN KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN 2001-2010.

I- Bối cảnh kinh tế- xã hội ảnh hưởng đến phát triển lao động kỹ thuật ở Việt nam.

1- Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế của Việt nam với khu vực và thế giới.

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới đang là xu hướng của các nền kinh tế và cũng đang là những vấn đề phải đặt ra đối với mỗi quốc gia vì nó có cả những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đối với các nước. Việt nam là một quốc gia đang phát triển với nền kinh tế "mở", nên những toàn cầu hoá có những ảnh hưởng trực tiếp tới các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực đào tạo. Vì vậy cần có nhận thức đầy đủ về quá trình này.

Toàn cầu hoá được hiểu theo nhiều nghĩa rộng hẹp khác nhau và từ nhiều cách tiếp cận khác nhau.

- *Loại quan niệm rộng:* Toàn cầu hoá như là một hiện tượng hay một quá trình trong quan hệ quốc tế làm tăng sự tuỳ thuộc lẫn nhau nhiều mặt của đời sống xã hội (từ kinh tế, chính trị, an ninh, văn hoá đến môi trường, vv...) giữa các quốc gia.

+ "Toàn cầu hoá là một xu hướng làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên bớt bị ràng buộc bởi địa lý lãnh thổ".

+ "Toàn cầu hoá xét về bản chất là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau của tất cả các khu vực đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới".

- *Loại quan niệm hẹp:* Toàn cầu hoá là một khái niệm chỉ hiện tượng hay quá trình hình thành thị trường toàn cầu làm tăng sự tương tác và tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia.

+“Toàn cầu hoá chỉ khuynh hướng gia tăng các sản phẩm của các bộ phận cấu thành được chế tạo ở một loạt nước”. Khái niệm này quá hẹp vì nó giới hạn toàn cầu hoá trong khía cạnh của sản xuất quốc tế.

+“Toàn cầu hoá là sự liên kết các yếu tố sản xuất trong các nước khác nhau dưới sự bảo trợ hoặc sở hữu của các công ty xuyên quốc gia và sự liên kết các thị trường hàng hoá và tài chính được thuận lợi bởi quá trình tự do hoá”.

+“Toàn cầu hoá bao hàm sự làm sâu sắc quá trình quốc tế hoá, tăng cường khía cạnh chức năng của phát triển (*functional dimension of development*) và làm yếu đi khía cạnh lãnh thổ của phát triển. Về cơ bản, toàn cầu hoá bao hàm sự tăng lên của thị trường chức năng thế giới, không ngừng xâm nhập và lấn át các nền kinh tế quốc gia đang trong quá trình mất đi đặc tính quốc gia”.

+“Toàn cầu hoá là sự tăng lên, hoặc một cách chính xác hơn là sự tăng ngày càng nhanh của các hoạt động kinh tế vượt ra khỏi biên giới các quốc gia và các khu vực”.

+“Toàn cầu hoá liên hệ tới các luồng giao lưu không ngừng tăng lên của hàng hoá và nguồn lực vượt qua biên giới giữa các quốc gia cùng với sự hình thành các cấu trúc tổ chức trên phạm vi toàn cầu nhằm quản lý các hoạt động và giao dịch kinh tế quốc tế không ngừng gia tăng .

+Ở Việt Nam “Toàn cầu hoá được hiểu là quá trình hình thành và phát triển các thị trường toàn cầu và khu vực, làm tăng sự tương tác và tùy thuộc lẫn nhau, trước hết về kinh tế, giữa các nước thông qua sự gia tăng các luồng giao lưu hàng hoá và nguồn lực (*Resources*) vượt qua biên giới giữa các quốc gia cùng với sự hình thành các định chế, tổ chức quốc tế nhằm quản lý các hoạt động và giao dịch kinh tế quốc tế”.

Các khái niệm nêu trên tuy rộng hẹp khác nhau nhưng xét về bản chất có những biểu hiện sau:

a. Sự gia tăng của các luồng giao lưu quốc tế về thương mại, đầu tư, vốn, công nghệ, dịch vụ, lao động và nguồn nhân lực ...

b. Hình thành và phát triển các thị trường thống nhất trên phạm vi toàn cầu, đồng thời với việc hình thành và tăng cường các định chế, và cơ chế tổ chức để điều chỉnh và quản lý các hoạt động và giao dịch kinh tế quốc tế theo hướng ngày càng làm cho các hoạt động này tự do hơn.

c. Sự gia tăng số lượng và hoạt động của các công ty xuyên quốc gia (TNC), đặc biệt là việc hình thành ngày càng nhiều các tập đoàn công ty xuyên quốc gia khổng lồ.

Hội nhập kinh tế thế giới là quá trình chủ động gắn kết nền kinh tế và thị trường của từng nước với kinh tế khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực tự do hoá và mở cửa trên các cấp độ đơn phương, song phương và đa phương. Như vậy hội nhập thực chất cũng là sự chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hoá.

- Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới, chúng ta thấy bắt nguồn từ tính chất xã hội hoá của lực lượng sản xuất, xu thế toàn cầu hoá đó hình thành và phát triển gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Xu thế toàn cầu hoá phát triển mạnh mẽ từ cuối thập niên 1980 trở lại đây, cùng với việc kết thúc chiến tranh lạnh và sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ này, xu thế toàn cầu hoá có những biến đổi to lớn cả về về lượng lẫn về chất, đặc biệt thể hiện ở sự gia tăng nhanh chóng các thể chế liên kết kinh tế toàn cầu và khu vực với số lượng thành viên ngày càng nhiều và mức độ liên kết cao hơn, phong phú hơn cả về hình thức lẫn nội dung. Xu hướng toàn cầu hoá sẽ vẫn tiếp tục phát triển. Những nhân tố thuận lợi chiều hướng phát triển của tiến trình này là:

+ *Thứ nhất*, cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin, tiếp tục phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của

tiến trình toàn cầu hoá. Hầu hết các nước đều bị lôi cuốn và ràng buộc vào hệ thống kinh tế thế giới.

+ *Thứ hai*, sự quốc tế hoá các hoạt động sản xuất-kinh doanh, đặc biệt là sự hỗ trợ của Internet sẽ thúc đẩy các ngành dịch vụ của thế giới phát triển, ngày càng có nhiều công ty xuyên quốc gia.

+ *Thứ ba*, xu thế chính của thời đại là hoà bình và phát triển sẽ tiếp tục tăng cường. Chính sách mở cửa và tự do hoá vẫn sẽ được các nước tiếp tục thực hiện.

+ *Thứ tư*, sự ra đời và phát triển của kinh tế tri thức là một xu thế tất yếu của nền kinh tế “hậu công nghiệp”. Kinh tế tri thức phát triển dựa trên sự phân bổ và sử dụng tri thức, trước hết là thông tin và công nghệ cao. Sự phát triển của kinh tế tri thức sẽ có tác dụng thúc đẩy toàn cầu hoá.

Tuy nhiên, ngoài những yếu tố thuận lợi nói trên, xu thế toàn cầu hoá còn chịu ảnh hưởng nghịch chiều của các nhân tố như:

+ Mâu thuẫn và đấu tranh lợi ích diễn ra ngày càng gay gắt giữa các nước, nhóm nước và các nhóm xã hội.

+ Khủng hoảng kinh tế ở các nước lớn hay các trung tâm kinh tế và khu vực quan trọng trên thế giới vẫn luôn là nguy cơ tiềm ẩn.

+ Những bất ổn về chính trị, những xung đột về tôn giáo, sắc tộc, nhân quyền và chủ nghĩa khủng bố tiếp tục gia tăng ở nhiều nước và khu vực, gây cản trở không nhỏ đối với quá trình thực hiện tự do hoá mậu dịch trên phạm vi toàn cầu.

Nhìn chung, các yếu tố thuận lợi vẫn mạnh hơn, vì vậy toàn cầu hoá sẽ vẫn tiếp tục phát triển và là xu thế quan trọng của quan hệ quốc tế hiện đại.

Tác động của toàn cầu hoá tới phát triển kinh tế - xã hội Việt nam

Nói chung có thể nói đến ba tác động của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới : kinh tế, chính trị-xã hội và vấn đề quốc tế.

- Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những cơ hội mà các nước có thể tận dụng để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống, cũng như đặt các nước trước cơ hội cạnh tranh và điều chỉnh.

- Tác động của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới với vai trò của Nhà nước, an ninh quốc gia, sự phân hoá của xã hội, bản sắc văn hoá dân tộc, việc làm và phát triển con người.

Trước những xu thế của kinh tế thế giới và tác động của toàn cầu hoá, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới đó có những bước đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới như điều chỉnh chính sách theo hướng mở cửa, giảm và tiến tới dỡ bỏ hàng rào thuế quan, làm cho việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ, luân chuyển vốn, lao động và kỹ thuật giữa các quốc gia tăng lên, làm cho tất cả các nước thường xuyên có những cải cách kịp thời trong nước để thích ứng với những biến động trên thế giới.

Việt Nam sau 15 năm đổi mới và hội nhập kinh tế trên bình diện rộng và ở nhiều cấp khác nhau với nhiều hình thức khác nhau đã có những thành tựu to lớn và quan trọng.

* Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu và đối tác thương mại

- Đến nay Việt Nam có quan hệ song phương với trên 150 nước và vùng lãnh thổ, trong đó đã ký hiệp định thương mại với 70 quốc gia và vùng lãnh thổ với điều kiện tối huệ quốc.

- Xuất khẩu năm 1999 tăng 153 lần so với năm 1955, 17 lần so với năm 1985, 4,5 lần so với năm 1990, 2,1 lần so với năm 1995, và đạt 11.523 triệu USD. Nhập khẩu trong thời kỳ 1990-1999 cũng tăng lên 4 lần. Nhập siêu hiện nay đó giảm còn chưa đầy 1% GDP.

- Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu đó có bước cải thiện theo hướng đa dạng hóa và tăng dần tỷ trọng của hàng hoá đã qua chế biến. Hiện nay chúng ta có trên 200 mặt hàng có khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Với tỷ trọng thương mại quốc tế đạt 90 % GDP, nền kinh tế Việt Nam trở thành nền kinh tế mở và hướng vào thương mại quốc tế nhiều nhất.

* Tăng thu hút đầu tư và góp phần giải quyết tốt vấn đề nợ quốc tế

- Tiếp theo việc ban hành Luật đầu tư nước ngoài, Việt Nam đó điều

chính luật lệ, cơ chế chính sách, tạo lập môi trường pháp lý cho kinh doanh, nhờ đó tăng khả năng thu hút FDI. Đã có 700 doanh nghiệp thuộc 62 nước và lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt nam góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, phát triển lực lượng sản xuất và tạo công ăn việc làm cho người lao động nước ta.

- Việt Nam đã thu hút được trên 3600 dự án có vốn FDI với tổng vốn đăng ký là 41,7 tỉ USD, vốn đã thực hiện là 21 tỉ USD, chiếm 30 % tổng vốn đầu tư, cung cấp việc làm trực tiếp cho khoảng 38 vạn người, và gián tiếp cho trên 2 triệu người.

- Cơ cấu vốn đầu tư đã thay đổi phù hợp với yêu cầu dịch chuyển cơ cấu kinh tế của đất nước.

- Kể từ khi khai thông quan hệ với IMF, WB, và ADB tới nay, qua 7 kỳ hội nghị tài trợ, Việt nam đã nhận được cam kết viện trợ trên 17 tỉ USD.

- Các khoản nợ nước ngoài cũ đã được từng bước giải quyết ổn thoả thông qua các Câu lạc bộ Pari.

- * Tiếp thu công nghệ mới và phương thức quản lý tiên tiến, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh.

- * Từng bước đưa doanh nghiệp và nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh, tạo tư duy làm ăn mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- * Góp phần làm cho nền kinh tế tăng trưởng ở mức khá cao và ổn định, thu hẹp khoảng cách về phát triển với các nước

- Mức tăng GDP bình quân trong thời kì 1990-2000 là 7%/năm.

- GDP tính theo đầu người đã tăng từ 180 USD lên gần 400 USD .

- Chỉ số HDI xếp thứ 110 trên tổng số 174 nước, là 0,664, cao hơn hẳn 35 nước kém phát triển nhất.

- * Tăng cường thực lực, bảo đảm ổn định xã hội, an ninh quốc phòng và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước

* Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của nhân dân và công bằng xã hội.

2- Công nghiệp hoá- Hiện đại hoá và nhu cầu phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật ở Việt nam.

CNH, HĐH là những khái niệm hiện nay đang được dùng phổ biến trong các văn kiện của Đảng và nhà nước; trong các tài liệu khoa học. Nhìn chung, CNH và HĐH được hiểu như sau:

- **Công nghiệp hoá** được hiểu là quá trình chuyển đổi về qui trình công nghệ và cơ chế vận hành trong mọi lĩnh vực sản xuất và dịch vụ xã hội theo hướng cơ khí hoá, tự động hoá theo dây chuyền liên tục trên quan điểm công nghệ học nghĩa là đảm bảo mọi hoạt động, mọi quá trình diễn ra theo các trình tự, các bước có mở đầu, có quá trình thực hiện và tạo ra sản phẩm cuối cùng. Quá trình thao tác của người thợ và quản lí trong qui trình công nghệ sản xuất dịch vụ được tiến hành theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chính xác và với tác phong lao động công nghiệp.

- **Hiện đại hoá** được hiểu là quá trình sử dụng, vận dụng các thành tựu khoa học, công nghệ mới, tiên tiến vào quá trình sản xuất dịch vụ. Nội dung của hiện đại hoá bao hàm trong tất cả các thành phần cấu thành của quá trình lao động, nghĩa là thể hiện ở: đối tượng lao động, công cụ lao động, tổ chức lao động và sản phẩm lao động.

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước đã xác định: "Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp..." và "phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trọng tâm. Con đường CNH- HĐH của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có những bước nhảy vọt..." (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX).

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI nước ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hướng tới nền kinh tế tri thức với nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức phải vượt qua. Nhân tố quyết định